



CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

TO SHIP

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÂN CẤP
CLASSIFICATION CERTIFICATE

Số : 448/18TB-CL
No.

Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21: 2015/BGTVT và các QCVN liên quan
Issued under the provisions of the National Technical Regulation

THÂN TÀU - HULL

Tên tàu:	LONG PHÚ 08	Số phân cấp:	VR032070
Name of Ship:		Class Number:	
Kiểu tàu:	M.Tàu chở dầu	Chiều dài:	69,830 (m)
Type of Ship:		Length:	
Cảng đăng ký:	Sài Gòn	Chiều rộng:	10,000 (m)
Port of Registry:		Breadth:	
Quốc tịch:	Việt Nam	Chiều cao mạn:	5,600 (m)
Flag:		Depth:	
Hồ hiệu:	3W FY9	Chiều chìm:	4,580 (m)
Call sign:		Draught:	
Tổng dung tích:	957	Trọng tải toàn phần:	1663,30 (T)
Gross Tonnage:		Deadweight:	
Vật liệu vỏ tàu:	Thép	Năm và nơi đóng:	2003 - Việt Nam
Material of Hull:		Year and Place of Build:	
Số IMO:	IMO8990407	Năm và nơi hoán cải:	
IMO Number:		Year and Place of Conversion:	
Chủ tàu:	Công ty cổ phần vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex		
Shipowner:			
Công ty:	Công ty cổ phần vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex		
Company:			

MÁY CHÍNH - MAIN ENGINES

Kiểu:	Akasaka - DM33R	Tổng công suất:	1600 HP
Type:		Total Power:	
Số lượng:	1	Năm và nơi chế tạo:	1979 - Nhật Bản
Number:		Year and Place of Build:	

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, chứng nhận rằng tàu này và các trang thiết bị của tàu thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn. Do đó tàu được **nhận cấp/phục hồi cấp (*)** với ki hiệu dưới đây:

This is to certify that as a result of the survey performed, the ship, her equipment and arrangements are found to be in compliance with the requirements of the Regulations. The class with the following notation is **assigned/renewed (*)** to the ship:

* VRH (200) Tàu chở dầu có điểm chớp cháy nhỏ hơn hoặc bằng 60°C ESP
(*) VRM

Các hạn chế thường xuyên: Vùng biển Việt Nam.
Permanent restrictions: Hoạt động cách bờ hoặc nơi trú ẩn không quá 200 hải lý.
Các đặc tính khác:
Other characteristics:

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày 19 tháng 02 năm 2023 với điều kiện phải có xác nhận hàng năm phù hợp với Quy chuẩn
This Certificate is valid until subject to annual confirmation in accordance with the Regulations.

Cấp tại: Hà Nội Ngày: 28 tháng 03 năm 2018
Issued at Date

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER



KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Vũ Hải

(*) Gạch bỏ khi không thích hợp
Delete as appropriate

XÁC NHẬN CẤP TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ NHẤT
FIRST ANNUAL CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp tàu được xác nhận.
 On the basis of the survey performed, the class is confirmed

Nơi kiểm tra: Quy Nhơn
 Place:
 Ngày: 18.04.2019
 Date:



XÁC NHẬN CẤP TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ HAI/TRUNG GIẠN*
SECOND ANNUAL/INTERMEDIATE* CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp tàu được xác nhận.
 On the basis of the survey performed, the class is confirmed

Nơi kiểm tra: Quy nhơn
 Place:
 Ngày: 13.3.2020
 Date:



XÁC NHẬN CẤP TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ BA/TRUNG GIẠN*
THIRD ANNUAL/INTERMEDIATE* CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp tàu được xác nhận.
 On the basis of the survey performed, the class is confirmed

Nơi kiểm tra: TP. Hồ Chí Minh
 Place:
 Ngày: 25/01/2021
 Date:



XÁC NHẬN CẤP TÀU HÀNG NĂM LẦN THỨ TƯ
FOURTH ANNUAL CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp tàu được xác nhận.
 On the basis of the survey performed, the class is confirmed

Nơi kiểm tra:
 Place:
 Ngày:
 Date:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

XÁC NHẬN GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN
ENDORSEMENT TO EXTEND THE VALIDITY OF THE CERTIFICATE

Phù hợp với Quy chuẩn, thời hạn GCN được gia hạn tới:
 In accordance with the Regulation, the validity of the class is extended till:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

Nơi gia hạn:
 Place:
 Ngày:
 Date:

NHỮNG LƯU Ý VÀ HẠN CHẾ TAM THỜI
TEMPORARY RESTRICTIONS AND REMARKS

.....

*Chú ý: Giấy chứng nhận này sẽ bị mất hiệu lực trong các trường hợp quy định tại mục 3.4.3, III - Quy định về quản lý của QCVN 21: 2015/BGTVT.
 Note: This Certificate shall cease valid in the cases under the provisions of paragraph 3.4.3, III - Regulations on Management of QCVN 21: 2015/BGTVT.*